

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 08/2021/DS-GĐT

Ngày 26/4/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và giữ giữ tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- *Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm:*
Thẩm phán Lại Văn Trình - Phó chánh án làm Chủ tọa phiên tòa
Thẩm phán Trần Minh Tuấn - Thành viên
Thẩm phán Nguyễn Văn Tiến - Thành viên
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hằng - Thẩm tra viên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* ông Lê Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và giữ giữ tài sản*” giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Võ Thị H; cư trú: X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
2. *Bị đơn:* bà Lê Thị Th; cư trú: N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
- Anh Bạch Th Kh, chị Văn Thị Th; cùng cư trú: X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/8/2017 và quá trình tố tụng nguyên đơn là bà Võ Thị H trình bày: do mỗi làm ăn từ nhiều năm nên ngày 10/12/2016 bà Lê Thị Th vay của bà H số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, không thời hạn. Ngày 05/01/2017, bà Th tiếp tục vay bà H số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng với thời hạn 10 ngày (thỏa thuận bằng miệng), cả hai lần vay, bà Th có ký vào sổ

vay của bà H. Tổng cộng bà Th vay bà H số tiền 700.000.000 đồng (hẹn 10 ngày trả, kể từ ngày 05/01/2017). Ngày 09/01/2017, bà Th bán cho bà H 1.506 kg cà phê với giá 67.167.000 đồng, bà H trừ số tiền này vào nợ gốc nên bà Th còn nợ 633.000.000 đồng. Tính đến ngày 18/5/2017, bà Th đã trả cho bà H 40.000.000 đồng tiền lãi. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Th trả cho Bà số tiền gốc là 633.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 15/01/2017 cho đến khi bà Th trả hết nợ. Bà h không đồng ý yêu cầu phản tố của bà Th, vì số cà phê bà Th gửi tại kho của Bà, bà Th đã cắt bán hết, bà H đã thanh toán đủ tiền, đến nay không còn nợ gì bà Th.

- *Bị đơn bà Lê Thị Th trình bày:*

Bà Th thừa nhận ngày 10/12/2016 Bà có vay của bà H 400.000.000 đồng, đến ngày 05/01/2017 vay 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 4,5%/tháng, không thời hạn, khi vay bà Th có ký sổ vay bà H. Tổng số tiền vay: 700.000.000 đồng. Ngày 09/1/2017 bà Th dùng tiền mặt trả 67.000.000 đồng nợ gốc, còn các lần tiếp theo đã trả 40.000.000 đồng, trong đó 20.000.000 đồng nợ lãi và 20.000.000 đồng nợ gốc. Như vậy, bà Th còn nợ bà H nợ gốc 613.000.000 đồng và nợ lãi sau khi trừ đi 20.000.000 đồng. Bà Th đồng ý trả nợ cho bà H nhưng yêu cầu bà H phải khấu trừ các khoản cà phê nhân xô, cà phê bi mà bà Th đã gửi cho bà H và số tiền bà H còn nợ mua cà phê của bà Th 137.190.000 đồng, cụ thể:

Ngày 25/6/2013 anh Bạch Th Kh (con trai bà H) nhận 5.158 kg.

Ngày 25/5/2014, anh Kh nhận 2.995 kg.

Ngày 25/10/2014, anh Kh nhận 2.120 kg cà phê nhân xô và 746 kg cà phê ly 1.

Ngày 26/7/2015 anh khôi nhận 5.521,8kg cà phê quy chuẩn (trong đó, bà Th bán cho bà H 1.300kg).

Ngày 21/3/2016 chị Th (con dâu bà H) nhận 2.241,4 kg cà phê nhân xô.

Ngày 09/1/2017, chị Th nhận 1.506 kg cà phê nhân xô.

Tổng cộng: bà Th ký gửi tại đại lý của bà H 18.213,4 kg cà phê nhân xô và 746 kg cà phê bi. Lý do bà Th chưa bán là vì đợi giá cao mới bán, bà H cho rằng bà Th đã bán cho bà H là không đúng vì mỗi lần bán hoặc trả tiền xong đều ghi “R”, chữ “xong” hoặc “gạch chéo”.

Đối với số tiền 137.190.000đồng, bà H nợ bà Th vào ngày 03/10/2016 là do bà Th bán cà phê cho bà H, bà H cho rằng có nợ số tiền này nhưng đã trả là không đúng vì chưa ký nhận, chưa xóa sổ.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Bạch Th Kh và chị Văn Thị Th trình bày:* Anh Chị là con trai và con dâu bà H thống nhất với lời trình bày của bà H là bà Th đã cắt bán hết cà phê gửi giữ tại kho của bà H.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2018/DS-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H.

Buộc bà Th phải trả cho bà H 704.512.000 đồng; trong đó: 613.000.000 đồng tiền nợ gốc và 91.512.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 30/10/2018 (theo giấy vay tiền ngày 10/12/2016 và giấy vay ngày 05/01/2017).

Bác một phần yêu cầu đối với số tiền 20.000.000 đồng tiền gốc buộc bà Th phải trả.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi có đơn yêu cầu thi hành án.

Bác yêu cầu phản tố của bà Lê Thị Th yêu cầu khấu trừ 137.190.000 đồng tiền cà phê bi và 19.008,5 kg cà phê nhân xô bà H còn nợ vào số tiền bà Th còn nợ bà H.

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

- Tại Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 30/2018/QĐ-SCBS ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B quyết định:

Sửa chữa Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2018/DS-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân TP. B như sau:

Tại dòng 07 tính từ dưới lên, trang 8 (tám) của bản án đã ghi:

“...Tổng cộng phải nộp: 82.952.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm”

Nay được sửa chữa lại như sau:

“...Tổng cộng phải nộp 82.952.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 20.955.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu số 00003346 ngày 14/3/2018. Bà Th còn phải nộp 61.997.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm”.

- Ngày 12/11/2018, bà Lê Thị Th kháng cáo toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ

thẩmnêu trên.

- Ngày 28/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2018/DS-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 16/2019/DS-PT ngày 25/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

1. Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự

- Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị Th.

- Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2018/DS-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B.

2. Áp dụng Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần đơn phản tố của bà Lê Thị Th đối với số tiền 42.525.000 đồng.

3. Áp dụng Điều 559, 564, 565 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 463, 464, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H và chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị Th.

+ Buộc bà Lê Thị Th trả cho bà Võ Thị H số tiền 704.512.000 đồng; trong đó: Gốc 613.000.000 đồng và lãi 91.512.000 đồng (lãi tạm tính đến ngày 30/10/2018).

+ Bác yêu cầu của bà Võ Thị H đối với số tiền 20.000.000 đồng tiền gốc buộc bà Th phải trả.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị Th.

+ Buộc bà H phải giao trả cho bà Th 18.213,4 kg cà phê nhân xô, 746 kg cà phê ly1 và 137.194.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất đối với khoản tiền chậm thi hành án khi có đơn yêu cầu thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 29/5/2020, bà Võ Thị H có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

- Tại Quyết định số 25/KNGĐT-VKS-DS ngày 05/02/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 16/2019/DS-PT ngày 25/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân

tỉnh Đắk Lắk xét xử lại phúc thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Các bên đều thừa nhận vào ngày 10/12/2016, bà Th vay của bà H số tiền 400.000.000 đồng đến ngày 05/01/2017, bà Th tiếp tục vay của bà H 300.000.000 đồng, hai lần vay tiền bà Th có viết xác nhận vào sổ của bà H. Quá trình giải quyết vụ án, bà Th cho rằng đã trả được 87.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi. Còn bà H cho rằng số tiền 67.000.000 đồng là cần trừ 1.506kg cà phê (đã quy chuẩn) bà Th giao ngày 09/01/2017. Tuy nhiên, bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền 67.000.000 đồng là do cần trừ 1.506kg cà phê vì tại giấy mượn tiền ngày 05/01/2017 của khoản vay 300.000.000 đồng bên dưới ghi: “Th trả chi h 67.000.000 đồng” chứ không ghi cần trừ 1.506kg cà phê. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm xác định bà Th đã trả 67.000.000 đồng của số tiền 300.000.000 đồng là có cơ sở. Do mức lãi suất các bên thỏa thuận 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tức 3%/tháng) là vượt quá mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép được quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm và cấp sơ thẩm tính lại tiền lãi theo quy định của pháp luật là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm xác định bà Th đã trả 87.000.000 đồng tiền gốc nên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà Th trả cho bà H số tiền 613.000.000 đồng tiền gốc và 91.512.000 đồng tiền lãi là có căn cứ.

[2]. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn:

Tại đơn phản tố ngày 04/01/2018, nêu:

Ngày 25/6/2013, anh Bạch Th Kh (con trai bà H) nhận của bà Th 5.158kg cà phê nhân xô.

Ngày 25/5/2014, anh Kh nhận của bà Th 2.995kg cà phê đã quy chuẩn.

Ngày 25/10/2014, anh Kh nhận của bà Th 2.120 kg cà phê đã quy chuẩn và 746 kg cà phê ly 1.

Ngày 26/7/2015, anh Kh nhận của bà Th 5.521,8kg cà phê chưa quy chuẩn; trong số này bà Th đã bán 1.300kg vào ngày 27 và 28/7/2015.

Ngày 21/3/2016, chị Văn Thị Th (con dâu bà H) nhận của bà Th 2.241,4kg cà phê quy chuẩn.

Ngày 09/01/2017, chị Th nhận của bà Th 1.526,3kg cà phê chưa quy chuẩn.

Ngày 03/10/2016, nợ tiền cà bi 137.190.000đồng.

Tổng số cà phê, bà Th gửi giữ tại kho bà H là 19.008,5 kg cà phê nhân xô.

[3] Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm, bà H không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà Th, bà H thừa nhận có nhận cà phê và nợ tiền như bà Th trình bày là đúng nhưng Bà đã thanh toán xong cho bà Th và cung cấp sổ ghi chép theo dõi từ năm 2015 đến năm 2017 nhưng chỉ có một mình phía bà H ghi mà không có bà Th xác nhận; do đó Tòa án cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm không chấp nhận lời khai của bà H là đã thanh toán xong cho bà Th.

[4] Ngày 29/5/2020, bà H gửi đơn đề nghị giám đốc thẩm, xuất trình tài liệu là Giấy “Nhập hàng Th Tiến” ngày 25/6/2013 (bút lục 12) mà Bà cho rằng trong đó ngày 25/6/2013, Nhỏ - con trai bà Th nhận 30.000.000đồng; ngày 25/6/2013, chú Tiến - chồng bà Th nhận 50.000.000đồng; ngày 26/6/2013, bà Th nhận 70.800.000đồng; ngày 27/6/2013, Nhỏ - con trai bà Th nhận 47.000.000 đồng để chứng minh cho việc Bà đã thanh toán xong cho bà Th.

Xét Giấy “Nhập hàng Th Tiến” trên, Viện kiểm sát cho rằng đây là chứng cứ mới để làm căn cứ kháng nghị bản án phúc thẩm nêu trên; tuy nhiên, Viện kiểm sát không đưa ra được cơ sở pháp lý nào xác định đó là chữ ký của anh Nhỏ, ông Tiến và bà Th và cũng không chứng minh được các khoản tiền ký nhận nêu trên có liên quan đến số lượng cà phê “Q/C: 5158 kg”, trong khi đó văn bản trên lại có bố cục không bình thường, các dòng chữ được viết chen ngang vào nhau, không đảm bảo tính xác thực. Do đó không có cơ sở chấp nhận tài liệu trên là chứng cứ mới chứng minh cho việc bà H thanh toán xong cho bà Th.

[5] Đối với 02 đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà H và bà Th, các bên đều thừa nhận giọng nói của mình và nội dung hội thoại; việc Viện kiểm sát nêu tại Đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, bà H cho rằng: “Trong đoạn ghi âm ngày 28/6/2017, bà H gọi điện cho bà Th nhắc số nợ 700.000.000đ, sau đó có cản trừ lô cà phê trị giá 67.000.000đ, nhưng bà Th không có ý kiến phản đối. Trong đoạn ghi âm ngày 09/7/2017, bà H yêu cầu bà Th trả nợ thì bà Th có đề nghị bán đất để trả trước 400.000.000đ, đồng thời xin lại số tiền bán đất còn lại để có vốn làm ăn và trả dần khoản nợ còn lại với lãi suất 1%/tháng, nhưng bà H yêu cầu trả trước 500.000.000đ nên 02 bên không thỏa thuận được. Trong hai đoạn ghi âm, bà Th đều không nhắc việc Bà có ký gửi cà phê cho bà H nhưng chưa được thanh toán...”, trong khi đó tại Đơn kiến nghị và trình bày ngày 11/3/2021, bà Th trình bày: “... khi tôi đến yêu cầu bán cà phê để trả nợ thì bà H yêu cầu tôi xuất trình giấy biên nhận gốc, bà H mới thanh toán. Tôi chưa tìm thấy được giấy biên nhận (bản gốc) thì bà H lại gọi điện thoại đòi nợ tôi thì tôi phải trả lời chờ bán đất sẽ trả nợ cho bà H”; xét thấy, cho dù bà H có nhắc việc cản trừ tiền cà phê trị giá 67.000.000 đồng vào tiền nợ nhưng phía bà Th không có đối đáp về nội dung này nên cũng không thể cho rằng bà Th không có ý kiến phản đối

thì mặc nhiên xem đó là *tiền cần trừ từ tiền cà phê*; trong khi đó, tại Giấy mượn tiền ngày 05/01/2017 của khoản vay 300.000.000đồng, phần bên dưới thể hiện rõ “*Th trả C. h 67.000.000 đồng*”, chứ không phải là cần trừ 1.506kg cà phê như đã phân tích trên. Mặt khác, việc bà Th không nhắc đến số lượng cà phê ký gửi cho bà H trong lúc hội thoại, thì cũng không thể khẳng định là bà Th không có ký gửi cà phê tại kho của bà H.

[6] Đối với số tiền 137.190.000đồng, bà H xác nhận có nợ bà Th số tiền trên vào ngày 03/10/2016 nhưng khai rằng đã thanh toán xong, nhận thấy bà H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc thanh toán xong số nợ trên, trong khi đó bà Th lại không xác nhận. Do đó việc Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc bà H trả cho bà Th số tiền trên là có cơ sở.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử cấp giám đốc thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 25/KNGĐT-VKS-DS ngày 05/02/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 1 Điều 343 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận Kháng nghị giám đốc thẩm số 25/KNGĐT-VKS-DS ngày 05/02/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 16/2019/DS-PT ngày 25/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

2. Bản án dân sự phúc thẩm số 16/2019/DS-PT ngày 25/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiếp tục được thi hành.

Nơi nhận:

- Vụ PC và Quản lý khoa học – TANDTC;
- Viện trưởng VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố Buôn Ma Thuột (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ (VP); Phòng Giám đốc kiểm tra về DS-KDTM-LĐ và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Văn Trình